

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên gói thầu: Phi tư vấn Công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 5
- Tên Dự toán: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 5.
- Địa điểm thực hiện: Các Phường An Khánh, Bình Trưng, Cát Lái, Hiệp Bình, Linh Xuân, Long Bình, Long Phước, Long Trường, Phước Long, Tam Bình, Tăng Nhơn Phú, Thủ Đức, thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tên chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước - Sự nghiệp các hoạt động kinh tế (kiến thiết thị chính).
- Thời gian thực hiện: 1096 ngày (03 năm, từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 30/6/2029).
- Quy mô: Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh đô thị với quy mô 107,2509 ha công viên, mảng xanh và 38.329 cây xanh bóng mát trên địa bàn các Phường An Khánh, Bình Trưng, Cát Lái, Hiệp Bình, Linh Xuân, Long Bình, Long Phước, Long Trường, Phước Long, Tam Bình, Tăng Nhơn Phú và Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với: Tính chính xác của thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong Hồ sơ dự thầu, tính chính xác của các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu cũng như Nhân sự tham dự thầu. Trường hợp Chủ đầu tư Tổ chuyên gia nghi ngờ tính chính xác của tài liệu, Chủ đầu tư Tổ chuyên gia sẽ yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia;
- Đối với các loại chứng chỉ/chứng nhận của Nhân sự: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu mà hiệu lực của chứng chỉ/chứng nhận của Nhân sự hết hiệu lực hoặc không đảm bảo thời gian thực hiện gói thầu thì nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp chứng chỉ/chứng nhận mới của Nhân sự còn hiệu lực theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia.
- Đối với các loại thiết bị yêu cầu phải có Giấy chứng nhận kiểm định: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu mà hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị hết hiệu lực thì nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm định lại và cung cấp Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia.

2. Mục tiêu công việc:

Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện công tác Quản lý, chăm sóc và bảo dưỡng thường xuyên công viên cây xanh trên địa bàn tại các Phường An Khánh, Bình Trưng, Cát Lái, Hiệp Bình, Linh Xuân, Long Bình, Long Phước, Long Trường, Phước Long, Tam Bình, Tăng Nhơn Phú, Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh theo phạm vi cung cấp chi tiết tại **Mẫu số 01C** và các bảng khối lượng (bảng 01, bảng 02, bảng 03) dưới đây.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

* Theo phụ lục 5 của Công văn số 16692/HD-SXD-HTKT của Sở Xây dựng ngày 23/12/2019 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, thoát nước đô thị và công viên cây xanh.

3.1 Đối với công tác quản lý:

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
1	Tuần tra, bảo vệ công viên, mảng xanh	- Đảm bảo an ninh, trật tự trong công viên, mảng xanh. Không để xây dựng, cải tạo công trình kiến trúc, tổ chức kinh doanh khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép và không để xảy ra tình trạng phá hoại tài sản của công viên, mảng xanh; - Nhắc nhở và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm nội quy công viên; - Báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý (có thể bằng điện thoại) khi phát hiện sự cố đột xuất có ảnh hưởng đến an toàn của người dân (trong vòng 30 phút sau khi sự cố xảy ra), đồng thời có biện pháp cảnh báo kịp thời cho người dân; - Báo cáo kịp thời và đề xuất biện pháp sửa chữa cho đơn vị quản lý, đồng thời có biện pháp cảnh báo hoặc thu dọn vào nơi quy định khi phát hiện những hư hỏng hạ tầng, thiết bị tiện ích của công viên, mảng xanh.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: Không đạt một trong các tiêu chí đánh giá. (Thời gian khắc phục: Ngay tại thời điểm phát hiện)
2	Báo cáo, cập nhật dữ liệu quản lý	- Cập nhật các số liệu về công viên, mảng xanh như biến động về diện tích, khối lượng cây trồng, thiết bị, tiện ích, hạ tầng; các hoạt động tổ chức trên mặt bằng công viên, mảng xanh (có chủ trương của cấp có thẩm quyền)... cung cấp cho đơn vị quản lý khi tổ chức nghiệm thu hoặc khi có yêu cầu.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: Không đạt một trong các tiêu chí đánh giá. (Thời gian khắc phục: Trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc

		- Báo cáo đầy đủ, kịp thời các nội dung liên quan về công viên, mảng xanh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.	theo chỉ đạo của cấp thẩm uyên)
--	--	---	---------------------------------

3.2. Đối với công tác chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên

a) Mức độ chăm sóc tỉ mỉ (cấp độ 2):

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
1	Chăm sóc thảm cỏ	- Thảm cỏ phát triển xanh tốt, không sâu bệnh, phủ kín, phẳng đều; - Thảm cỏ không lẫn có tạp, cây dại. -Thảm cỏ luôn được duy trì với chiều cao không quá 08cm đối với cỏ Lá gừng, 3-5cm đối với cỏ Nhung và cỏ Lông heo; - Lề cỏ được xén đều theo hình dạng thảm cỏ và duy trì cách mép bó vỉa không quá 5 cm.	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
2	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc Xuyến chi, Rau muống biển)	- Phủ đều; - Không có cây dại, có thể lẫn có tạp rải rác; - Thảm cây che phủ được duy trì với chiều cao không quá 30cm theo đặc tính loài cây, không bò lan ra khu vực xung quanh.	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
3	Chăm sóc bồn hoa	- Khi mới thay hoa, mật độ cây hoa đồng đều trong mảng (hoặc chậu); có ít nhất 1/3 diện tích có hoa nở, còn lại là nụ hoặc hoa chớm nở, - Duy trì mảng hoa luôn xanh tốt, giao tán, không sâu bệnh; có ít nhất 50% diện tích có hoa nở, màu sắc tươi tự nhiên; không có hoa tàn, lá vàng, cành, ngọn bị gãy; - Nền đất tơi xốp, không lẫn có dại, cây tạp.	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
4	Chăm sóc bồn kiềng	- Mảng kiềng phát triển xanh tốt, phủ đều diện tích, không sâu bệnh; chiều cao tương đối đồng đều, duy trì được hình dạng, màu sắc tự nhiên và kích thước phù hợp theo yêu cầu thiết kế; - Đối với các loại kiềng có hoa, đảm bảo hoa nở rộ theo mùa và theo đặc tính của	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
		loài, màu sắc tự nhiên, không có hoa tàn, lá vàng, cành khô; - Đất trong mảng kiềng phải tơi xốp, không lẫn có dại, cây tạp. * Đối với các chủng loại thường xuyên có hoa (như Dra cạn, hoa Hồng, búp Hà Lan/ Hasfarm...), duy trì mảng kiềng luôn có ít nhất 1/3 diện tích có hoa nở.	
6	Chăm sóc cây trồng hoa	- Cây phát triển xanh tốt, không sâu bệnh; trên cây không có cành, lá, hoa khô; - Cây được cắt tỉa đúng yêu cầu kỹ thuật (tùy theo chủng loại) và duy trì kích thước, hình dáng phù hợp với cảnh quan xung quanh theo yêu cầu thiết kế; - Hoa nở theo mùa, màu sắc tự nhiên; - Đất quanh gốc cây tơi xốp, không có cỏ dại, cây tạp.	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ tổng số cây nhưng không quá 5 cây không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
8	Chăm sóc cây tạo hình	- Cây phát triển xanh tốt, không bị sâu bệnh, trên cây không có cành, lá khô, - Cây được cắt tỉa sắc nét theo hình dạng đã tạo hoặc duy trì dáng vẻ tự nhiên theo đặc tính loài cây, không bị biến dạng, vỡ tán và duy trì kích thước phù hợp với cảnh quan xung quanh theo yêu cầu thiết kế; - Đất quanh gốc cây tơi xốp, không có cỏ dại, cây tạp.	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ tổng số cây nhưng không quá 5 cây không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
9	Chăm sóc cây kiềng trong chậu	Tiêu chí đánh giá và nghiệm thu theo loại cây kiềng (cây trồng hoa, cây dáng đẹp, cây tạo hình) được trồng vào chậu	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ tổng số cây nhưng không quá 5 chậu không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
10	Chăm sóc cây hàng rào	- Khôi cây phát triển tốt, màu sắc tự nhiên, tạo được khối kín, không sâu bệnh, không có cành, lá khô; - Khôi cây được cắt tỉa bằng đều theo hình dạng, kích thước phù hợp với yêu cầu thiết kế;	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
		- Đất trong xung quanh khối cây phải tơi xốp, không có cỏ tạp, cây dại lẫn trong khối cây.	
11	Chăm sóc cây leo	- Cây phát triển tốt, màu sắc tự nhiên, không sâu bệnh; - Cây được quấn, cột gọn gàng; giàn cây thông thoáng, không có cành khô, lá, hoa mục dính trên giàn; - Cây có hoa nở theo mùa, theo đặc tính loài cây. - Đất quanh gốc cây tơi xốp, không có cỏ dại, cây tạp.	Đạt: >95% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 5\%$ tổng số cây nhưng không quá 5 cây không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.

Lưu ý: Đối với mức độ chăm sóc tỉ mỉ (công viên, mảng xanh quản lý theo cấp độ 2), thời gian khắc phục hạng mục không đạt trong vòng 24 giờ (01 ngày) kể từ thời điểm phát hiện hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

b) Mức độ chăm sóc duy trì (cấp độ 3):

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
1	Chăm sóc thảm cỏ	- Thảm cỏ phát triển xanh trong mùa mưa và phát triển bình thường trong mùa khô, không sâu bệnh, phủ đều, tương đối bằng phẳng; - Thảm cỏ không có cây dại và có thể lẫn cỏ tạp rải rác. - Thảm cỏ luôn được duy trì với chiều cao không quá 15cm; - Lề cỏ được cắt đều theo hình dạng thảm cỏ và không để lan ra khu vực xung quanh.	Đạt: >90% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 10\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
2	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc Xuyên chi, Rau muống biển)	- Phủ đều; - Không có cây dại, có thể lẫn cỏ tạp rải rác; - Thảm cây che phủ được duy trì với chiều cao không quá 30cm theo đặc tính loài cây, có thể hơi lan ra khu vực xung quanh.	Đạt: >90% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 10\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
3	Chăm sóc bồn kiểng	- Mảng kiểng phát triển xanh tốt, phủ đều diện tích, không sâu bệnh; duy trì được hình dạng, màu sắc tự nhiên và kích thước phù hợp theo yêu cầu thiết kế; - Đối với các loại kiểng có hoa, đảm bảo hoa nở rộ theo mùa và theo đặc tính của loài, màu sắc tự nhiên, không có cành, lá, hoa khô, mục; - Đất trong mảng kiểng phải tơi xốp, không lẫn có dại, cây tạp.	Đạt: >90% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 10\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
5	Chăm sóc cây trồng hoa	- Cây phát triển bình thường, không sâu bệnh, trên cây không có cành khô; - Cây được cắt tỉa đúng yêu cầu kỹ thuật (tùy theo chủng loại) và duy trì kích thước, hình dáng phù hợp với cảnh quan xung quanh theo yêu cầu thiết kế; - Hoa nở theo mùa; - Đất quanh gốc cây tơi xốp, không có cỏ dại, cây tạp.	Đạt: >90% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 10\%$ tổng số cây nhưng không quá 10 cây không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
6	Chăm sóc cây dáng đẹp	- Cây phát triển bình thường, không sâu bệnh, trên cây không có cành, lá khô; - Cây được cắt tỉa đúng yêu cầu kỹ thuật và duy trì dáng vẻ tự nhiên theo đặc tính loại cây hoặc hình dáng, kích thước phù hợp với cảnh quan xung quanh theo yêu cầu thiết kế; - Đất quanh gốc cây tơi xốp, không có cỏ dại, cây tạp.	Đạt: >90% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 10\%$ tổng số cây nhưng không quá 10 cây không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.
7	Chăm sóc cây cắt xén	- Khối cây (viên bồn, hàng rào, che phủ không gian đứng) có màu sắc tự nhiên, không sâu bệnh, không khuyết, rỗng. - Khối cây được cắt tỉa bằng đều theo hình dạng, kích thước phù hợp với yêu cầu thiết kế; - Đất trong xung quanh khối cây phải tơi xốp, không có cỏ tạp, cây dại lẫn trong khối cây.	Đạt: >90% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 10\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
8	Chăm sóc cây leo	- Cây phát triển bình thường, màu sắc tự nhiên, không sâu bệnh; - Cây được quán, cột gọn gàng; giàn cây thông thoáng; - Cây có hoa nở theo mùa, theo đặc tính loài cây. - Đất quanh gốc cây tơi xốp, không có cỏ dại, cây tạp.	Đạt: >90% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 10\%$ tổng số cây nhưng không quá 5 cây không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.

Lưu ý: Đối với mức độ chăm sóc duy trì (công viên, mảng xanh quản lý theo cấp độ 3), thời gian khắc phục hạng mục không đạt trong vòng 48 giờ (02 ngày) kể từ thời điểm phát hiện hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

c) Mức độ chăm sóc tự nhiên (cấp độ)

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
1	Chăm sóc thảm cỏ và thảm thực vật tự nhiên	Thảm cỏ thảm thực vật tự nhiên phát triển xanh tốt theo mùa; độ cao $\leq 15\text{cm}$ khi phát cỏ; kiểm soát các loài cây ngoại lai xâm hại, duy trì cây bản địa hiện hữu. Lưu ý: Đối với mức độ chăm sóc tự nhiên (công viên, mảng xanh quản lý theo cấp độ 4), thời gian khắc phục hạng mục không đạt trong vòng 48 giờ (02 ngày) kể từ thời điểm phát hiện hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.	Đạt: >80% diện tích đạt các tiêu chí đánh giá. Không đạt: $\geq 20\%$ diện tích không đạt một trong các tiêu chí đánh giá.

Lưu ý: Đối với mức độ chăm sóc tự nhiên (công viên, mảng xanh quản lý theo cấp độ 4), thời gian khắc phục hạng mục không đạt trong vòng 48 giờ (02 ngày) kể từ thời điểm phát hiện hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

3.3. Bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
1	Vệ sinh thảm cỏ, cây che phủ nền, hoa hàng ngày, kiếng có hoa, kiếng lá, cây cắt xén.	- Hoàn thành công tác vệ sinh (quét, nhặt rác) trước 9 giờ sáng. - Khi vệ sinh không gây ảnh hưởng đến các hoạt động của người dân, du khách khi đến vui chơi, sinh hoạt; - Thu gom, tập kết rác vào thùng rác ngay sau khi quét dọn.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
2	Vệ sinh sân nền (gồm cả sân chơi cát), vỉa hè, đường đi	- Hoàn thành công tác vệ sinh (quét, nhặt rác) trước 9 giờ sáng; - Khi vệ sinh không gây ảnh hưởng đến các hoạt động của người dân, du khách khi đến vui chơi, sinh hoạt; - Tại công viên phải bố trí nhặt rác thường xuyên để đảm bảo luôn sạch sẽ, không có rác (trừ rác lá cây); - Sân nền, đường đi, vỉa hè,... không bị đọng nước, không bám rong rêu, không có cỏ dại; - Thu gom, tập kết rác vào thùng rác ngay sau khi quét dọn.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
3	Vệ sinh ghế ngồi, thùng rác.	- Ghế ngồi được vệ sinh sạch sẽ, không đọng nước; - Thùng rác được vệ sinh sạch sẽ, không bốc mùi hôi.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
4	Dọn lá cây trên mái nhà	- Trên mái nhà không có lá cây mục, không bị đọng nước.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
5	Vệ sinh hồ nước, duy trì hệ thống phun	- Hồ nước sạch, không có rong rêu, không có rác; - Hệ thống phun nước hoạt động đúng thời điểm và thời gian cài đặt; - Vòi phun hoạt động bình thường, không bị nghẹt và phun đều.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
6	Duy trì tượng, tiểu cảnh	- Tượng và tiểu cảnh luôn được duy trì sạch sẽ; - Tiểu cảnh có kết hợp trồng các loại cây được duy trì để cây phát triển bình thường	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
7	Duy trì nhà vệ sinh công cộng	- Các hạng mục trong nhà vệ sinh luôn được duy trì sạch sẽ, không bị đọng nước trên nền nhà, trong khu vực nhà vệ sinh không mùi hôi; - Hệ thống cung cấp	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
		nước sạch và thu nước thải hoạt động tốt, không gây tắc nghẽn.	trong các tiêu chí đánh giá
8	Nạo vét hệ thống cống rãnh, hố ga	- Chiều dày lớp bùn đất lắng đọng trong hệ thống cống rãnh $\leq 5\text{cm}$, trong hố ga $\leq 10\text{cm}$.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
9	Mương, kênh, rạch	- Sau các đợt dọn rác trên mương, kênh, rạch không còn rác và các loại rau bèo xâm lấn. (Nghiệm thu ngay khi thực hiện xong)	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
10	Thu gom, vận chuyển rác đến vị trí xử lý	- Đến 9h rác phải được tập kết về 1 vị trí quy định để vận chuyển đi đổ; - Điểm tập kết rác phải gọn, khuất, không gây mùi hôi và làm mất mỹ quan trong công viên, mảng xanh; - Rác được vận chuyển đến địa điểm xử lý trong ngày, không để tồn đọng qua ngày hôm sau.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
11	Vận hành, bảo dưỡng hệ thống tưới tự động, trong công viên, mảng xanh	- Hệ thống tưới hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn về điện, đảm bảo nước tưới phủ kín, đáp ứng đủ lượng nước cho cây phát triển tốt, áp lực làm việc và lưu lượng nước nằm trong giới hạn cho phép của thiết bị tưới; - Kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời cho chủ đầu tư khi có hư hỏng, - Sửa chữa, thay thế các thiết bị tưới chủ yếu (bộ vòi phun và phụ kiện, ống dẫn nước...) trong vòng 4 giờ kể từ khi có ý kiến của Chủ đầu tư; - Có máy bơm dự phòng để thay thế trong thời gian sửa chữa.	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một trong các tiêu chí đánh giá
12	Bảo dưỡng thiết bị thể dục thể thao và trò chơi	- Được vệ sinh sạch sẽ, không bám bẩn; - Thường xuyên kiểm tra và bảo trì thường xuyên thiết bị nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng;	Đạt: đạt các tiêu chí đánh giá Không đạt: không đạt một

TT	Hạng mục	Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
	thiếu nhi trong công viên, mảng xanh (gồm cả mái nhà hình nấm)	- Khi có thiết bị hư hỏng phải cô lập và cảnh báo ngay không cho sử dụng, đồng thời thông tin cho đơn vị quản lý để thống nhất xử lý.	trong các tiêu chí đánh giá

*** Đồng thời các công việc thực hiện cần phải tuân thủ theo các quy định hiện hành như sau:**

- Quyết định số 3206/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 21/6/2017 Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở GTVT quản lý trên địa bàn thành phố;

- Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT của Sở Xây dựng ngày 23/12/2019 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, thoát nước đô thị và công viên cây xanh;

(Trường hợp có sự thay đổi các quy định nêu trên thì sẽ áp dụng theo các quy định mới được thay đổi này)

- Các quy định khác có liên quan.
- Khối lượng mời thầu tại phạm vi cung cấp tại mẫu 01C được tính bằng khối lượng quản lý nhân với phân khai quy trình thực hiện tại phụ lục 2.

Ghi chú:

- Nhà thầu chuẩn bị, cung cấp bảng phân tích chi tiết đơn giá trúng thầu khi được yêu cầu, khi ký kết hợp đồng.

- Thuế VAT: Nhà thầu chào thuế VAT 8% cho năm 2026, các năm còn lại 10%, khi có hướng dẫn mới sẽ điều chỉnh theo quy định hiện hành.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

- Quyết định số 3206/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 21/6/2017 Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở GTVT quản lý trên địa bàn thành phố;

- Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT của Sở Xây dựng ngày 23/12/2019
 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo
 dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, thoát nước đô thị và công viên cây xanh;

- Các quy định khác có liên quan

BẢNG 01: TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÂY XANH

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
II.1	Cây xanh đường phố		3.130	6.789	4.989	5.052	9.131	7.840	449	8	37.388
1	Via hè Trường Cao Đẳng Nghề	Bình Trưng			3		21				24
2	Nguyễn Duy Trinh (đoạn từ TTYT phường BTT đến Trường THCS Giồng Ông Tố)	Bình Trưng					12				12
3	Chăm sóc cây xanh đường Lê Văn Thịnh	Bình Trường, Cát Lái			82		209				291
4	Chăm sóc cây xanh xung quanh chung cư 6,4ha	Cát lái			58		52				110
5	Đường Man Thiện	Tăng Nhơn Phú			23		26				49
6	Đường Tân Hòa 2	Tăng Nhơn Phú			1		62		1		64
7	Nhà bia tưởng niệm	Tăng Nhơn Phú	1		2		32		2		37
8	Đường Long Phước	Long Phước	9		24		66		7		106
9	Đường số 1.	Long Trường			2		3		1		6
10	Tam Đa.	Phường Long Trường					59		8		67
11	Trường Lưu	Phường Long Trường			11		12		4		27
12	Võ Văn Hát	Phường Long Trường			6		51				57
13	Tiểu đảo 249	Phường Tăng Nhơn Phú			9		18				27
14	Đường 120	Phường Tăng Nhơn Phú	1		6		13		4		24
15	Đường 138	Phường Tăng Nhơn Phú	1		17		7				25
16	Đường 154	Phường Tăng Nhơn Phú	1		7		79				87

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
17	Đường 179	Phường Tăng Nhơn Phú	2		4		37		2		45
18	Đường 179A	Phường Tăng Nhơn Phú					10				10
19	Đường Cầu Xây	Phường Tăng Nhơn Phú					69		1		70
20	Đường Cầu Xây 2	Phường Tăng Nhơn Phú					4		1		5
21	Đường Nam Cao	Phường Tăng Nhơn Phú			14		32		6		52
22	Đường 19	Phường Long Phước			5		1				6
23	Đường số 1	Phường Long Phước			2		3		3		8
24	Đường số 8	Phường Long Phước					46				46
25	Đường Long Thuận	Phường Long Phước	1		4		21				26
26	Tam Đa	Phường Long Phước			2		11				13
27	Đường 10 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			8		36		2		46
28	Đường 11 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			1		22		2		25
29	Đường 12 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			1		28				29
30	Đường 14 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long					14		1		15
31	Đường 15 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long					2		5		7
32	Đường 16 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			6		28		4		38
33	Đường 17 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			2		21		2		25
34	Đường 18 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			3		24				27
35	Đường 19 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			1		7		1		9
36	Đường 20 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long					40		14		54

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
37	Đường 21 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			1		25		1		27
38	Đường 23 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long					9				9
39	Đường 672	Phường Phước Long			20		31				51
40	Đường 9 - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			1		22		4		27
41	Đường D10 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			15		27				42
42	Đường D11 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long					33		2		35
43	Đường D12 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			5		28		2		35
44	Đường D14A - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			2		31		11		44
45	Đường D15 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			1		64		2		67
46	Đường D15A - KDC Kiến Á	Phường Phước Long					27		2		29
47	Đường D16 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			2		40		2		44
48	Đường D18 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			7		17				24
49	Đường D1A - KDC Trí Kiệt	Phường Phước Long			3		34		1		38
50	Đường D2 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long					30		10		40
51	Đường D39 - KDC Kiến Á	Phường Phước Long			1		17		1		19
52	Đường D3A - KDC Kiến Á	Phường Phước Long			1		33		1		35
53	Đường D3B - KDC Kiến Á	Phường Phước Long			2		31				33
54	Đường D46 - KDC Kiến Á	Phường Phước Long			3		50		5		58
55	Đường D4A - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long					43		14		57
56	Đường D4A - KDC Kiến Á	Phường Phước Long	3		8		47		1		59
57	Đường D5 - KDC Trí Kiệt	Phường Phước Long			5		9				14

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
58	Đường D5A - KDC Kiến Á	Phường Phước Long			1		35				36
59	Đường D5A - KDC Trí Kiệt	Phường Phước Long					1		3		4
60	Đường D5B - KDC Trí Kiệt	Phường Phước Long			1				2		3
61	Đường D6 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			1		45		6		52
62	Đường D6 - KDC Kiến Á	Phường Phước Long					14				14
63	Đường D69 - KDC Kiến Á	Phường Phước Long	8		31		27		2		68
64	Đường D8 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long					31		12		43
65	Đường D9 - KDC Hưng Phú	Phường Phước Long			3		56		4		63
66	Đường D9 - KDC Kiến Á	Phường Phước Long	2		2		25		5		34
67	Đường Liên Phường	Phường Phước Long			16		19				35
68	Đường Số 2 - KDC Trí Kiệt	Phường Phước Long			1		7				8
69	Đường Số 4 - KDC Trí Kiệt	Phường Phước Long			2		16				18
70	Đường số 6 - KDC Trí Kiệt	Phường Phước Long			3		10		1		14
71	Đường số III - KDC Khang Điền	Phường Phước Long			2		33		4		39
72	Đường Trần Thị Diệu	Phường Phước Long			2		39				41
73	Tiểu đảo đường 672	Phường Phước Long					9		6		15
74	Bình Phú	Tam Bình					21				21
75	Cây Keo	Tam Bình							1		1
76	Đường số 1 - KDC Thành ủy	Hiệp Bình					2				2
77	Đường 9 - KDC Thành ủy	Hiệp Bình					10				10
78	Đường 10 - KDC sông Đà	Hiệp Bình			1		9				10
79	Đường 11 - KDC sông Đà	Hiệp Bình			1		13				14
80	Đường 12 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình			1		11				12

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng							
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3	
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn
81	Đường 13 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình			3		4		1	
82	Đường 14 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình					6			
83	Đường 15 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình							1	
84	Đường 16 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình			3		9			
85	Đường 17 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình					7			
86	Đường 17 - KDC Thành ủy	Hiệp Bình					6		1	
87	Đường 18 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình					5			
88	Đường 18 - KDC Thành Ủy	Hiệp Bình			1		20		3	
89	Đường 3 KDC Liên phường (KDC Tam Bình)	Tam Bình			1		3			
90	Đường 5 KDC Liên phường (KDC Tam Bình)	Hiệp Bình			1		4			
91	Đường 8 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình					6			
92	Đường 9 - KDC Sông Đà	Hiệp Bình					19		1	
93	Đường A - KDC sông Đà	Hiệp Bình					71		6	
94	Đường B - KDC sông Đà	Hiệp Bình	1				107		3	
95	Nhánh rẽ đường B - KDC sông Đà	Hiệp Bình					18			
96	Đường số 2 - KDC Thành ủy	Hiệp Bình					15			
97	Đường số 5 - KDC Thành ủy	Hiệp Bình					13			
98	Đường số 7 - KDC Thành ủy	Hiệp Bình					4			
99	Đường số 9 KP.4	Tam Bình					7			
100	Hẻm 1110 Phạm Văn Đồng	Thủ Đức			9		7		1	
101	Lý Tế Xuyên	Hiệp Bình					6		7	
102	Phú Châu	Tam Bình	4		35		33		3	
103	Rạch Lùng	Tam Bình			6		5			
104	Tam Bình	Tam Bình					47			
105	Tam Châu	Tam Bình	1				53		1	
106	Tô Ngọc Vân	Tam Bình	2		24		66		1	
107	Ụ Ghe	Tam Bình					7			

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
108	Đặng Hữu Phở	An Khánh					2				2
109	Khu Thảo Điền - Đường số 41	An Khánh					19		1		20
110	Khu Thảo Điền - Đường số 5	An Khánh					1				1
111	MX cầu qua đảo Kim Cương	Cát lái				5		118			123
112	Mảng xanh đường Mai Chí Thọ	Bình Trưng	1932	5		1.131		4.164			7.232
113	Mảng xanh đường Nguyễn Thị Định	Cát lái		3		87		12		2	104
114	Đường Võ Chí Công	Cát lái	5	5.776		300		339			6.420
115	Mảng xanh đường cầu Thủ Thiêm 2 - Phía TP Thủ Đức	An Khánh	52								52
116	Mảng xanh đường trục Bắc - Nam(R14- Nguyễn Cơ Thạch)	An Khánh	122								122
117	MX Nghĩa trang Liệt sỹ - D400	Long Bình		1		50		17		4	72
118	MX Nút giao thông Thủ Đức	Linh Xuân		3		619		634			1.256
119	MX trước khu CNC	Tăng Nhơn Phú		1		48		60			109
120	MX Xa lộ Hà Nội - BOO	Phước Long	17	1	581	463	409	392		2	1.865
121	MX XLHN khu vực ven rạch Đá Đỏ	Bình Trưng		6		172		551			729
122	MX hầm vượt Trường Sơn	Linh Xuân		1	30	27	119	54			231
123	MX Nút giao thông Gò Dưa	Tam Bình	6		120	103	137	54			420
124	MX khu vực cầu Rạch Chiếc	Bình Trưng			85		30				115
125	MX Nút giao thông Cát Lái	Bình Trưng		30		815		146			991
126	MX Trục chính vào khu LH TDTT Rạch Chiếc	Bình Trưng		260							260
127	MX cầu vượt thép Thủ Đức	Tăng Nhơn Phú				20		27			47
128	Cầu vượt Thủ Đức	Linh Xuân	3		10		72				85
129	Đình Phong Phú	Tăng Nhơn Phú	2		52		70		7		131
130	Đỗ Xuân Hợp	Long Trường			5		24		2		31
131	Đường 18B - Phước Bình	Phước Long					6				6
132	Đường 385	Tăng Nhơn Phú			4		20		1		25

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
133	Dương Đình Hội	Tăng Nhơn Phú	3		80		63				146
134	Đường số 1 - Phước Bình	Phước Long	2		27		22				51
135	Đường số 10 - P. Phước Bình	Phước Long			17		55				72
136	Đường số 11 - Phước Bình	Phước Long	5		29		62				96
137	Đường số 12 - Phước Bình	Phước Long	1		12		66				79
138	Đường số 13 - P. Phước Bình	Phước Long			52		8				60
139	Đường số 14 - Phước Bình	Phước Long	2		23		46				71
140	Đường số 18 & 19 F.Phước Bình	Phước Long			39		20				59
141	Đường số 2 - Phước Bình	Phước Long	5		19		17				41
142	Đường số 21 - Phước Bình	Phước Long			2		5				7
143	Đường số 22 - Phước Bình	Phước Long			2		14				16
144	Đường số 3 - F.Trường Thạnh	Long Phước	1		2		11				14
145	Đường số 3 - Phước Bình	Phước Long	4		21		22				47
146	Đường số 4 - Phước Bình	Phước Long	4		13		33				50
147	Đường số 5 - Phước Bình	Phước Long	7		8		31				46
148	Đường số 6 - Phước Bình	Phước Long	3		22		30				55
149	Đường số 7 - Phước Bình	Phước Long			19		18				37
150	Đường số 8 - Phước Bình	Phước Long	2		37		3				42
151	Đường số 9 - P. Phước Bình	Phước Long	6		60		38				104
152	Đường vào UBND Q.9	Phước Long					6		2		8
153	Hoàng Hữu Nam	Long Bình	2		13		30		2		47
154	Ích Thạnh	Long Phước					21		16		37
155	Lã Xuân Oai	Long Phước	1		6		74		1		82
156	Làng Tăng Phú	Tăng Nhơn Phú	4		15		41				60
157	Lê Văn Việt	Tăng Nhơn Phú					1		4		5
158	Lò Lu	Long Phước					4				4
159	Man Thiện	Tăng Nhơn Phú	2		198		131				331

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
160	MX cầu Phú Hữu	Tăng Nhơn Phú	-	2	24						26
161	MX đường cao tốc TP.HCM-LT-DG	Bình Trưng		131		24		13			168
162	MX đường Đồng Văn Cống	Bình Trưng	204	1	439	42	374	44			1.104
163	MX đường Lê Văn Việt	Tăng Nhơn Phú	11	2	51	48	163	62			337
164	MX Đường nối NVH - XLHN (GD1)	An Khánh			1	19	1	84			105
165	MX Đường nối NVH - XLHN (GD2)	An Khánh	3	1	56	8	6	1			75
166	MX đường song hành phải của XL Hà Nội	Bình Trưng	1	6	1	153		45			206
167	MX đường Trần Nãi	An Khánh	1	24	6	401		5			437
168	MX XL Hà Nội KV Thảo Điền	An Khánh		2		83		128			213
169	Nguyễn Văn Tăng	Long Bình			8		27				35
170	Nguyễn Xiển	Long Bình	2		18		170		1		191
171	Nút giao giữa đường số 18A và 6D	Phước Long	3		10		17		2		32
172	Tăng Nhơn Phú	Tăng Nhơn Phú			25		43				68
173	Tây Hòa	Phước Long			1		5				6
174	Trần Trọng Khiêm	Long Bình					5				5
175	Trương Văn Hải	Tăng Nhơn Phú			12		18				30
176	Trương Văn Thành	Tăng Nhơn Phú	1		7		18				26
177	Chương Dương	Thủ Đức	1		6		1		2		10
178	Dân Chủ	Thủ Đức	1		19		86		1		107
179	Đặng Văn Bi	Thủ Đức	20		76		142				238
180	Đào Trinh Nhất	Linh Xuân	1		32		62				95
181	Đường 12 - P. Tam Bình	Tam Bình					85				85
182	Đường số 12 - phường Linh Trung	Linh Xuân	6		77		86				169
183	Đường số 12 - Linh Trung	Linh Xuân	1		130		58				189
184	Đường số 14 - Linh Trung	Linh Xuân	3		14		9		10		36
185	Đường số 2 - Trường Thọ	Thủ Đức	48		303		21				372
186	Đường số 9 - Tô Ngọc Vân	Linh Xuân			3		1				4
187	Gò Dưa	Tam Bình	1		4		107		5		117

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
188	Hàn Thuyên	Thủ Đức			7	1	20	20	1		49
189	Hiệp Bình	Hiệp Bình	25		60		111				196
190	Hoàng Diệu 2	Thủ Đức					11				11
191	Hoàng Diệu 2 - đường 20	Thủ Đức					11				11
192	Hoàng Diệu 2 - đường 21	Thủ Đức					12				12
193	Hoàng Diệu 2 - đường 22	Thủ Đức					7		1		8
194	Hoàng Diệu 2 - đường 23	Thủ Đức			2		11				13
195	Hoàng Diệu 2 - đường số 1	Thủ Đức	1				5		1		7
196	Hoàng Diệu 2 - đường số 3	Thủ Đức			1		11				12
197	Hoàng Diệu 2 - đường số 4	Thủ Đức			1		3				4
198	Hoàng Diệu 2 - đường số 6	Thủ Đức			11		54		1		66
199	Hoàng Diệu 2 - đường số 8	Thủ Đức					1				1
200	Kênh Ba Bò - nhánh rẽ	Tam Bình	1				30				31
201	Kha Vạn Cân	Thủ Đức	15		63		79				157
202	Linh Đông	Hiệp Bình			4		163		5		172
203	Linh Trung	Linh Xuân	2		96		185		48		331
204	Mảng xanh dạ cầu Bình Phước	Hiệp Bình				1					1
205	MX Đường số 13	Linh Xuân	7		57		116				180
206	MX Quốc lộ 1	Tam Bình		16	1	105		417			539
207	MX Xa lộ Hà Nội trước nhà máy nước	Linh Xuân				45		86			131
208	Ngô Chí Quốc	Tam Bình	21		148		315		33		517
209	Nguyễn Văn Bá	Thủ Đức			1		2		21		24
210	Quốc lộ 13	Hiệp Bình			6		31				37
211	Quốc Lộ 1A	Linh Xuân			1		9				10
212	Tagore	Thủ Đức			3		7		2		12
213	Tam Hà	Tam Bình					1				1
214	Thống Nhất	Thủ Đức	3		20		106		3		132
215	Tô Vĩnh Diện	Thủ Đức					8				8
216	Võ Văn Ngân	Thủ Đức			3		29	20	22		74
217	An Phú	An Khánh	2		9		4				15
218	Dạ cầu Thủ Thiêm	An Khánh			32						32
219	Giang Văn Minh	An Khánh	2		9		10				21
220	Khu An Phú - An Khánh	Bình Trưng	1		8		22				31

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
221	Khu An Phú - An Khánh - đường E	Bình Trưng			1		11				12
222	Khu An Phú - An Khánh - Đường F	Bình Trưng	3		12						15
223	Khu An Phú - An Khánh - Đường G	Bình Trưng			11		3				14
224	Khu An Phú - An Khánh - đường số 6	Bình Trưng			5		6				11
225	Khu An Phú - Đường số 10	An Khánh					2				2
226	Khu An Phú - Đường số 11	An Khánh					2				2
227	Khu An Phú - Đường số 12	An Khánh					1				1
228	Khu An Phú - Đường số 13	An Khánh					1				1
229	Khu An Phú - Đường số 8	An Khánh	1		8		14				23
230	Khu An Phú - Đường số 9	An Khánh					1				1
231	Lương Định Của	Bình Trưng					1				1
232	Nguyễn Duy Trinh	Bình Trưng	1		12		67		3		83
233	Nguyễn Văn Hưởng	An Khánh	13		177		324		40		554
234	Quốc Hương	An Khánh	5		35		53				93
235	MX dọc XLHN và Tuyến Metro số 1 Bến Thành Suối Tiên	An Khánh	230	199							429
236	09 lô đất thuộc Khu chức năng số 1 trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức	An Khánh		209							209
237	Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Linh Tây, Linh Đông.	Phường Hiệp Bình Chánh, Linh Tây, Linh Đông.	20	109	553	282	628	347			1.939
238	Đường Lê Văn Thịnh Nối Dài, phường Cát Lái	Cát Lái					2				2
239	Đường Trương Gia Mô, P. Thạnh Mỹ Lợi	Cát Lái			26		12				38
240	Đường 23, P. Thạnh Mỹ Lợi	Cát Lái					1				1
241	Đường số 2	Long Bình			12		153				165
242	Đường số 22	Long Bình			14		47				61
243	Bưng Ông Thoàn	Long Bình			32		15				47

STT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng								CỘNG
			Mới trồng		Loại 1		Loại 2		Loại 3		
			Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	Không bồn	Có bồn	
244	Đường 816	Long Bình					71				71
245	Đường 835	Long Bình					5		3		8
246	Đường 893	Long Bình			1		13				14
247	Đường 970	Long Bình			7		14				21
248	Đường Gò Cát	Long Bình					12				12
249	Đường Bung Ông Thoàn - KDC Thời Bảo Kinh Tế	Long Bình			32		138		3		173
250	Công viên Đường số 4	Tăng Nhơn Phú					9				9
251	Công viên đường 104	Tăng Nhơn Phú	5		24		15				44
252	Đường D3	Tăng Nhơn Phú			6		32				38
253	Đường N12	Tăng Nhơn Phú			4		3				7
254	Đường N13	Tăng Nhơn Phú			4						4
255	Đường N15	Tăng Nhơn Phú			4		2				6
256	Đường N16	Tăng Nhơn Phú			8						8
257	Đường N17	Tăng Nhơn Phú					6				6
258	Đường R2 trong khu Thủ Thiêm	An Khánh	234								234
II.2	Cây xanh trong các không gian công cộng			140		327		472		2	941
1	CV cầu Sài Gòn (GD1)	Phường An Khánh		21		212		261			494
2	CV cầu Sài Gòn (GD2)	Phường An Khánh		119		110		193		2	424
3	Công viên khu vực cầu Bình Triệu	Phường Hiệp Bình				5		18			23
	Tổng cộng		3.130	6.929	4.989	5.379	9.131	8.312	449	10	38.329

Ghi chú:

Cây mới trồng kể từ ngày nghiệm thu đến 02 năm

Cây loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính thân cây $\leq 20cm$

Cây loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính thân cây $\leq 50cm$

Cây loại 3: Cây cao $> 12m$ và có đường kính thân cây $> 50cm$

BẢNG 02: TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG VIÊN, MĂNG XANH

TT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng			Cấp độ quản lý	Ghi chú
			Tổng diện tích				
			Diện tích cây trồng (m²)	Diện tích khối lượng khác (m2)	Tổng cộng (m2)		
	1	2	3	4	5=3+4	8	9
I	Công viên đa chức năng		47.100,9600	18.848,7700	65.949,7300		
1	Công viên khu vực cầu Sài Gòn	Phường An Khánh	45.944,3200	18.848,7700	64.793,0900	2	
2	Công viên Bình Triệu (phường Hiệp Bình Chánh cũ)	Phường Hiệp Bình	1.156,6400		1.156,6400	3	
I	Măng xanh (Các mảng xanh khu vực Thủ Đức cũ (cấp độ 3 và cấp độ 4)		971.074,3680	35.484,9584	1.006.559,3264		
1	Măng xanh đất dự trữ giao thông đường Đồng Văn Cống, phường An Phú, Thạnh Mỹ Lợi, Bình Trưng Tây	An Khánh, Bình Trưng	27.242,8400		27.242,8400	3	
2	Măng xanh đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái	Cát Lái	2.280,0000		2.280,0000	3	
3	Măng xanh đường Trần Nảo, phường An Khánh	An Khánh	1.905,6000		1.905,6000	3	
4	Măng xanh đường nối từ đường Nguyễn Văn Hưởng đến xa lộ Hà Nội, phường Thảo Điền, An Khánh	An Khánh	5.791,5600		5.791,5600	3	
5	Măng xanh Võ Chí Công, phường Thạnh Mỹ Lợi, Cát Lái, Phú Hữu, Phước Long B	Cát Lái, Long Trường, Phước Long	66.042,1800		66.042,1800	3	
6	Măng xanh đường Cao tốc TPHCM-Long Thành - Dầu Giây, phường An Phú, Bình Trưng Đông	An Khánh, Bình Trưng	14.540,7200		14.540,7200	3	
7	Măng xanh đường Mai Chí Thọ, phường An Lợi Đông, Thủ Thiêm, An Khánh, An Phú	An Khánh; Bình Trưng	171.386,9700		171.386,9700	3	
8	Măng xanh khu vực nút giao thông Cát Lái, phường An Phú	An Khánh	81.185,4000	22.722,0000	103.907,4000	3	

TT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng			Cấp độ quản lý	Ghi chú
			Tổng diện tích				
			Diện tích cây trồng (m²)	Diện tích khối lượng khác (m2)	Tổng cộng (m2)		
	1	2	3	4	5=3+4	8	9
9	Mảng xanh cầu qua đảo Kim Cương, phường Bình Trưng Tây	Bình Trưng	7.140,0400		7.140,0400	3	
10	Mảng xanh Xa lộ Hà Nội khu vực ven rạch Đá Đỏ và trạm thu phí cũ, phường An Phú	An Khánh	43.571,0200		43.571,0200	3	
11	Mảng xanh Xa lộ Hà Nội khu vực phường Thảo Điền	An Khánh	9.814,2300	496,8000	10.311,0300	3	
12	Mảng xanh đất dự trữ giao thông khu vực cầu Rạch Chiếc, phường An Phú	An Khánh	11.474,4600	65,0400	11.539,5000	3	
13	Mảng xanh dải phân cách cầu Rạch Chiếc, phường Trường Thọ	Thủ Đức	1.351,4000		1.351,4000	3	
14	Mảng xanh Xa lộ Hà Nội trước Khu công nghệ cao và nút giao thông Thủ Đức, phường Tân Phú	Tăng Nhơn Phú	58.389,7000		58.389,7000	3	
15	Mảng xanh Xa lộ Hà Nội khu vực BOO, phường Phước Long A, Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú	60.646,3500		60.646,3500	3	
16	Mảng xanh Xa lộ Hà Nội khu vực Hành lang tuyến ống nước, phường Bình Thọ, Trường Thọ	Thủ Đức	30.009,8000	1.065,0000	31.074,8000	3	
17	Mảng xanh xa lộ Hà Nội khu vực trước nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung	Linh Xuân	15.633,7000		15.633,7000	3	
18	Mảng xanh khu vực cầu vượt thép ngã tư Thủ Đức, phường Linh Trung, Bình Thọ	Linh Xuân	6.398,1000		6.398,1000	3	
19	Mảng xanh nút giao thông Thủ Đức - Quận Thủ Đức, phường Linh Trung	Linh Xuân	44.543,7500	1.037,4884	45.581,2384		

TT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng			Cấp độ quản lý	Ghi chú
			Tổng diện tích				
			Diện tích cây trồng (m²)	Diện tích khối lượng khác (m2)	Tổng cộng (m2)		
	1	2	3	4	5=3+4	8	9
20	Mảng xanh trước nghĩa trang Liệt sỹ TP - D400	Long Bình	8.458,6000	331,5000	8.790,1000	3	
21	Mảng xanh đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú	2.245,7500	2,5000	2.248,2500	3	
22	Mảng xanh dải phân cách QL1, phường Linh Xuân, Tam Bình, Bình Chiểu	Linh Xuân, Tam Bình	30.671,2700	922,5000	31.593,7700	3	
23	Mảng xanh khu vực dạ cầu vượt Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước	Hiệp Bình	2.238,0000	1.864,0300	4.102,0300	3	
24	Mảng xanh nút giao thông Gò Dưa, phường Tam Bình	Tam Bình	14.609,3700		14.609,3700	3	
25	Mảng xanh đường số 1, phường Trường Thọ	Thủ Đức	636,2400		636,2400	3	
26	Mảng xanh đường số 12, phường Linh Trung	Linh Xuân	3.908,0000		3.908,0000	3	
27	Mảng xanh đường số 13, phường Linh Trung	Linh Xuân	445,8000		445,8000	3	
28	Mảng xanh Hầm vượt Trường Sơn, phường Linh Trung, Linh Xuân	Linh Xuân	865,9000		865,9000	3	
29	Mảng xanh trước trường SPKT đường Hàn Thuyên, phường Linh Chiểu	Thủ Đức	1.760,7000	96,9000	1.857,6000	3	
30	Mảng xanh đường trục chính vào khu liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc, đoạn từ ngã ba Cát Lái đến Khu A (giai đoạn 1)	Bình Trưng	2.270,4500		2.270,4500	3	
31	Mảng xanh cầu Thủ Thiêm 2 và các tuyến đường trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	Anh Khánh	4.764,9400	1.081,0000	5.845,9400	3	

TT	Tên đường/Công trình	Địa điểm (Phường/xã)	Khối lượng			Cấp độ quản lý	Ghi chú
			Tổng diện tích				
			Diện tích cây trồng (m²)	Diện tích khối lượng khác (m2)	Tổng cộng (m2)		
	1	2	3	4	5=3+4	8	9
32	Mảng xanh cầu Thủ Thiêm, phường Thủ Thiêm	An Khánh	3.942,2000	381,0000	4.323,2000	3	
33	Mảng xanh đường Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh, Linh Tây, Linh Đông, Linh Trung	Linh Xuân	68.203,1700	2.585,1800	70.788,3500	3	
34	Mảng xanh dự án Tăng cường MX dọc XLHN và tuyến Metro số 1 Bến Thành Suối Tiên (BQL ĐSĐT làm CĐT)	An Khánh, Thủ Đức, Linh Xuân	158.375,0400	2.834,0200	161.209,0600	3	
35	Mảng xanh đất dự trữ giao thông đường Phạm Văn Đồng, phường Linh Tây (Khu vực đối diện chùa Long Nhiễu)	Linh Xuân	2.453,7700		2.453,7700	3	
36	Mảng xanh thuộc dự án 09 lô đất thuộc Khu chức năng số 1 trong Khu Đô Thị mới Thủ Thiêm	An Khánh	3.341,2000		3.341,2000	3	
37	Mảng xanh đường tuyến đường R2 trong khu Thủ Thiêm	An Khánh	2.536,1480		2.536,1480	3	

BẢNG 03: CÁC MẢNG XANH KHU VỰC THỦ ĐỨC CŨ (CẤP ĐỘ 3 VÀ CẤP ĐỘ 4)

STT	Nội dung	Khối lượng	Đơn vị tính	Khối lượng tưới nước				
				Giếng khoan	Thủ công	Xe bồn	Hệ thống tự động (nước giếng khoan)	Hệ thống tự động (nước máy)
I	Diện tích cây trồng	971.074,3680	m²	145.070,67	10.002,50	156.831,58	127.552,42	300.118,30
1	Thảm cỏ tự nhiên	231.498,9000	m ²					
2	Thảm cỏ	376.375,0680	m ²	93.153,3700	1.464,0100	53.950,3380	90.710,8200	137.096,5300
	+ Cỏ lá gừng	373.460,2380	m ²	92.553,3700	1.464,0100	53.634,5380	89.070,8200	136.737,5000
	+ Cỏ lông heo	2.914,8300	m ²	600,0000		315,8000	1.640,0000	359,0300
4	Cây che phủ nền	250.160,5500	m ²	43.606,4100	2.148,0700	72.056,3900	18.809,1400	113.540,5400
	+ Cúc xuyên chi	250.160,5500	m ²	43.606,4100	2.148,0700	72.056,3900	18.809,1400	113.540,5400
6	Bồn kiểng	88.888,2100	m ²	8.220,9500	5.700,9700	18.848,1500	8.237,2100	47.880,9300
7	Cây kiểng	10.320,0000						
	Cây kiểng trở hoa	4.436,0000	cây					
	Cây tạo hình dáng đẹp	5.884,0000	cây					
8	Cây kiểng trồng chậu	37,0000	chậu					
11	Cây hàng rào (cắt xén)	24.151,6400	m ²	89,9400	689,4500	11.976,7000	9.795,2500	1.600,3000
	+ Đường viền, HR, (<1 m)	14.858,9000	m ²	30,9400	536,2900	11.591,0700	1.123,8000	1.576,8000
	+ Đường viền, HR, (>1 m)	9.292,7400	m ²	59,0000	153,1600	385,6300	8.671,4500	23,5000
12	Cây - Dây leo	150,0000	trụ					
	+ Tủ điều khiển	50,0000	cái					
	+ Đầu phun, vòi phun	11.761,0000	cái					
	+ Cảm ứng mưa	19,0000	cái					
	+ Van điện từ	335,0000	cái					
	,+ Máy bơm	78,0000	cái					
	+ Điện tiêu thụ của hệ thống tưới	2.432,1380	KW/ngày					

STT	Nội dung	Khối lượng	Đơn vị tính	Khối lượng tưới nước				
				Giếng khoan	Thủ công	Xe bồn	Hệ thống tự động (nước giếng khoan)	Hệ thống tự động (nước máy)
	+ Bộ GPS	23,0000	bộ					
	+ Bể chứa nước (DT vệ sinh)	1.569,3960	m2					
II	Khối lượng khác	35.484,9584	m²					
15	Đường, lối đi trong công viên, mảng xanh	8.102,2460	m²					
	+ Đường BTXM, BT sỏi rửa	435,7800	m2					
	+ Đường gạch Terazo	5.588,5500	m2					
	+ Đường đá granite (không làm cỏ)	603,6000	m2					
	+ Đường đan, đá (phải làm cỏ)	454,1260	m2					
	+ Đường đất	1.020,1900	m2					
16	Sân nền, vỉa hè, bó vỉa	1.805,9400	m²					
16.1	Sân nền	691,5000	m²					
	+ Sân nền gạch terazo, cotto	628,0000	m2					
	+ Sân nền đá granite (không làm cỏ)	63,5000	m2					
16.2	Vỉa hè	628,0000	m²					
	+ Sân nền gạch terazo	628,0000	m2					
16.3	Diện tích Bó vỉa	486,4400	m²					
17	Sàn cao su:	110,8800	m²					
	- DT sàn cao su ngoài trời	110,8800	m2					
20	Diện tích vệ sinh nền đá ốp lát	283,1600	m²					
	+ DT mặt bằng sân, nền đá ốp lát	25,5300	m2					
	+ DT khác	257,6300	m2					
22	Hồ nước tự nhiên (cho vớt rác)	22.267,8740	m²					
25	VC rác di đổ	13,6336	tấn					

STT	Nội dung	Khối lượng	Đơn vị tính	Khối lượng tưới nước				
				Giếng khoan	Thủ công	Xe bồn	Hệ thống tự động (nước giếng khoan)	Hệ thống tự động (nước máy)
	- Cự ly v/c rác đi đổ	20,0000	km					
	- Tiêu cảnh	0,9570	100m2/lần					
27	Ghế ngồi	16,0000	cái					
	- Ghế đá	16,0000	cái					
28	Ghế ngồi lát đá	24,5300	m²					
	+ DT ghế lát đá	24,5300	m2					
29	Thùng rác trong công viên, mảng xanh	7,0000	cái					
31.1	Thiết bị không chuyển động:	1,0000						
	+ Thiết bị trung: Trò chơi đi thăng, leo trèo, trốn tìm, nhà banh trượt, vận động, mô hình vườn hoa, cổng chào	1,0000	tbi					
31.2	Thiết bị chuyển động:	18,0000						
	+ Thiết bị trung: Bập bênh 4 người, nhún bập bênh 2 người, DC TDDT...	10,0000	tbi					
	+ Thiết bị nhỏ: Trò chơi thú nhún xe đẩy đùn	8,0000	tbi					
37	Diện tích chiếm chỗ khác	2.794,6284	m²					
	Mương thoát nước	72,0000	m2					
	Diện tích khác (tủ điện, tủ điện, trụ bơm, CEE, bể nước, hầm nước, nhà bảo vệ....)	2.722,6284	m2					
	Tổng diện tích	1.006.559,3264	m²					
	- Diện tích duy tu	1.006.559,3264	m²					
	Diện tích MX bảo vệ (khu vực trồng mai	11.476,00	m ²					